

Số: 91/2022/QĐST-HNGĐ

Duỹn Hải, ngày 26 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 143/2022/TLST/HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Thạch Thị Sô P, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Anh Sơn Quốc C, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp G, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thạch Thị Sô P và anh Sơn Quốc C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Thạch Thị Sô P và anh Sơn Quốc C thoả thuận, chị P được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Sơn Kim C, sinh ngày 04-02-2020.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị Thạch Thị Sô P tự nguyện không yêu cầu anh Sơn Quốc C cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, gặp gỡ con chung.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết và có yêu cầu của các bên Tòa án có thể thay đổi người nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị Sô P và anh Sơn Quốc C trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, chị Thạch Thị Sô P và anh Sơn Quốc C thỏa thuận mỗi người chịu 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng chị P là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật nên không phải chịu tiền án phí. Anh C phải chịu 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thảo